

Cảm Ứng Thiên Vựng Biên

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

(Bài 17)

(Chánh văn 19 tiếp theo): Trung hiếu.

(Nghĩa là: Trung hiếu).

Những bậc quan văn trung với vua (tiếp theo)

Thời Vũ Tắc Thiên, các pháp quan đua nhau tàn khốc, chỉ riêng có quan Tư Hình Thừa là Từ Hữu Công giữ lòng công bằng, khoan dung.

Thoạt đầu, ông trông coi về hình pháp ở Bồ Châu, chẳng đánh đập tù nhân. Các nha lại ước định với nhau:

- Nếu vi phạm, sẽ bị Từ tư pháp đánh đòn, bị mọi người cùng chê trách.

Cho đến khi ông mãn nhiệm, chẳng đánh đòn một ai, các người có chức trách cũng sửa đổi. Tới khi ông làm Tư Hình Thừa, đối với những kẻ bị bọn nha lại tàn ác lại vu cáo, cấu kết tội trạng, ông đều làm rõ trắng đen, cứu sống vô số người.

Ông từng tranh luận trước triều đình về chuyện tù ngục, Thái Hậu (Vũ Tắc Thiên) nghiêm sắc mặt cật vấn, Hữu Công thần sắc không nao núng, tranh luận càng thêm thiết tha. Thái Hậu tuy hiếu sát, nhưng biết Hữu Công là người chánh trực, hết sức kính nể, kiêng dè. Bọn Châu Hưng v.v... sàm tấu, gièm xiêm đủ kiểu, rốt cuộc chẳng thể hại ông. Sau đó, ông

được cất nhắc làm Tả Đài Điện Trung Thị Ngự Sử, con cháu nhiều người hiển đạt.

(nhạc ngắn)

Đời Đường, Quách Tử Nghi trong cơn biến loạn An Sử¹, đã thu phục hai kinh², công đứng đầu các tướng.

Thời Đường Đại Tông, bọn hoạn quan (thái giám) nắm trọn quyền, Tử Nghi bị ngồi chơi xơi nước đã lâu, thuộc hạ ly tán. Bổng Thổ Phiên³ xâm nhập [Trung Hoa] cướp phá, kinh

¹ Cuộc biến loạn này do An Lộc Sơn và Sử Tư Minh cầm đầu, nên gọi là loạn An Sử.

² Hai kinh thời Đường là Trường An và Lạc Dương.

³ Thổ Phiên (Tubo, tiếng Tây Tạng là Bod Chenpo) là một vương triều ở cao nguyên Thanh Tạng, cai quản phần lớn vùng bồn địa Tây Tạng và vùng Tân Cương hiện thời. Vương triều do Nhiếp Xích Tán Phổ (Nyakhri Tsanpo) sáng lập, thịnh trị dưới thời Tùng Tán Can Bố (Songtsan Gampo). Dưới thời Songtsan Gampo, Thổ Phiên liên tục tấn công miền Tây Trung Hoa. Nhà Đường phải gả công chúa Văn Thành cho Songtsan Gampo để xoa dịu. Công chúa Văn Thành đã mang Phật giáo vào Tây Tạng.

Theo truyền thuyết, tượng Thích Ca Mâu Ni Phật thờ tại chùa Đại Chiêu (Jokhang) ở Lhasa là do công chúa Văn Thành đem tới. Cho đến hiện thời, người Tây Tạng vẫn tin Songtsan Gampo là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, còn công chúa Văn Thành là hóa thân của Tara Bồ Tát (còn dịch là Đà La Bồ Tát, hoặc Độ Mẫu, một hóa thân khác của Quán Thế Âm Bồ Tát).

thành chấn động, kinh hãi. Vua phải chạy qua Thiểm Châu. Các đại tướng như Lý Quang Bát v.v... đều ghét bọn hoạn quan lộng quyền, đóng yên quân đội chẳng đến [cứu giá].

Riêng mình Tử Nghi tuyên mộ hai mươi kỵ binh, lập tức lên đường, kết hợp các tướng, giống trống, giăng cờ, đốt nhiều đồng lửa để khiến cho quân Thổ Phiên nghi ngại. Bọn Thổ Phiên sợ hãi, tranh nhau rút lui.

Về sau, lại có mấy chục vạn quân Hồi Hột⁴ xâm nhập cướp bóc. Các tướng phân lớn chẳng dẫn quân đến đúng lúc. Tử Nghi một mình cưỡi ngựa đến thuyết phục quân Hồi Hột, đại phá quân Thổ Phiên. Tử Nghi làm đại tướng, chỉ huy đoàn quân hùng mạnh. Bọn Trình Nguyên Chấn, Ngự Triều Ân

Dưới thời Ralpacan (Trisuk Detsen), vương triều này chiếm trọn vùng bồn địa Tarim, mở rộng tới Bengal ở phía Tây, cao nguyên Pamir và một phần tỉnh Cam Túc cũng như Vân Nam của Trung Hoa. Dẫu đã có hòa ước từ thời Đường Thái Tông, Thổ Phiên luôn kiếm cơ hội quấy nhiễu biên thùỵ chiếm đất của nhà Đường. Dưới thời Đường Minh Hoàng, quân Thổ Phiên đã liên kết với An Lộc Sơn tấn công Trường An. Vương triều sụp đổ dưới thời Langdar ma (Tri Uidumtsan) khi nhà vua do chính sách đàn áp Phật giáo dữ dội, đã bị một ẩn sĩ giết chết, nội loạn xảy ra liên miên khiến cho vương triều sụp đổ.

⁴ Hồi Hột là từ ngữ người Hán thời Đường dùng để gọi dân Uigur (còn viết là Uyghur, hiện thời trong các văn bản chính thức của Trung Hoa, họ được gọi là người Duy Ngô Nhĩ). Trải qua các triều đại, họ được gọi bằng các danh xưng Hồi Cốt, Ô Hột, Ô Hột, Úy Ngột Nhi v.v...

Thời Đường, Hồi Hột Hãn Quốc do liên minh nhiều bộ tộc người Uigur, gọi chung là Orkhon Uyghur.)

sàm tấu, hủy báng đủ kiểu. Chiếu thư truyền xuống triệu tập ông, không lần nào ông chẳng lập tức lên đường; do vậy, bọn chúng sàm tấu, hủy báng không được.

Ông làm quan đến chức Trung Thư Lệnh, đã làm chủ khảo hai mươi bốn lần, được phong làm Phần Dương Vương. Tám con trai, bảy rể, hiển đạt chẳng ai bằng!

(nhạc ngắn)

Đời Tống, Tư Mã Ôn Công (Tư Mã Quang) làm Tể Tướng, vì nước mà hy sinh thân mình, vì nước mà hy sinh tâm thân. Khi đã bị bệnh, do các phép thanh miêu, miễn dịch, tướng quan⁵ vẫn còn, Tây Hạ⁶ chưa chịu hàng, ông than:

⁵ Đây là các biện pháp cải cách do Vương An Thạch đề xướng.

Pháp Thanh Miêu (青苗) là cho dân vay tiền và thóc quan phủ vào những lúc thiếu kém, để đợi đến vụ mùa sau khi thu hoạch sẽ trả.

Hình thức này rõ ràng là vay nợ trong khi lúa còn non, nên gọi là Thanh Miêu. Do lãi suất nặng nề, cách này gây hại, khiến dân chúng bị tô thuế, mắc nợ nặng nề hơn.

Miễn Dịch (免役) là quy định được nộp tiền để khỏi đi lao dịch. Sở dĩ các nho sĩ chống đối cách này là vì khoản tiền miễn dịch khá lớn, gây nên tệ nạn quan trên ăn hối lộ, chèn ép bắt dân nghèo đóng góp nặng nề hơn.

Tướng Quan (將官) là cách tinh giảm quân đội, sa thải những lính già, các lãnh đạo cao cấp trong quân đội phải là người biết võ nghệ, thông hiểu binh lược, trái với truyền thống các quan văn là người chỉ huy cao nhất, các quan võ chỉ là phụ tá.

- Bốn điều tai hại chưa trừ, ta chết chẳng nhắm mắt.

Tân khách thấy ông còm cõi, dẫn chuyện Gia Cát Lượng ăn ít, lảm việc [đến nỗi hao mòn, chết sớm] để khuyên răn. Ông đáp: “Sanh tử là mạng” rồi càng thêm dốc sức. Tới khi bệnh đã ngặt nghèo, không còn tỉnh táo, những điều ông lảm bảm như nói trong mộng toàn là chuyện triều đình, thiên hạ.

Ngụy Cao Tông⁷ bảo quần thần:

⁶ Tây Hạ là một vương triều do người Đảng Hạng (Tangut) sáng lập, bao gồm vùng Ninh Hạ, Cam Túc, Thanh Hải, Tây Bắc Tân Cương, Tây Nam Nội Mông và cực nam của Ngoại Mông. Kinh đô thoát đầu là ở Ninh Hạ, sau dời sang Kharakhoto. Tên của vương quốc là Đại Hạ Bạch Thượng Quốc, do nằm ở phía Tây Trung Hoa, nên sử Trung Hoa thường gọi tắt là Tây Hạ. Vương quốc này hình thành bởi bộ tộc Thác Bạt (Tuoba) của người Tiên Ty (Xianbei) thuộc vương quốc Thổ Dục Hồn (Tuyuhun).

Sau khi người Tây Tạng tiêu diệt Thổ Dục Hồn, lãnh tụ Thác Bạt Xích Từ (Tuoba Chici) quy thuận nhà Đường, góp phần tiêu diệt quân phản loạn Hoàng Sào, nên được ban quốc tách là Lý. Đến đời Tống, Lý Kế Thiên nổi lên chống lại nhà Tống, tự xưng vương. Vua Tây Hạ chính thức xưng đế dưới thời Lý Nguyên Hạo (cháu nội của Lý Kế Thiên) vào năm 1038.

Vương triều Tây Hạ thường xâm lăng lãnh thổ của nhà Tống, nhà Tống phải triều cống, xưng thần. Tây Hạ thường đánh nhau với nhà Kim, cuối cùng cả Kim lẫn Tây Hạ đều bị nhà Nguyên của người Mông Cổ tiêu diệt.

⁷ Ngụy Cao Tông tên thật là Thác Bạt Tuấn, vua thứ năm của vương triều Bắc Ngụy (Nguyên Ngụy). Ông được coi là một vị vua nhân từ. Dưới thời Thái Vũ Đế do bận chinh chiến liên miên, vua đã để Thái Tử Thác Bạt Hoảng làm giám quốc. Hoạn quan Tông Ái vu hãm Thái Tử, ám sát Thái Vũ Đế, đưa Thác Bạt Dư lên làm vua. Khi Thác Bạt Dư chống lại Tông Ái, hắn lại giết chết vua. Sau đó, các quan như

- Vua và cha như một. Cha có lỗi, con không gởi thư cho mọi người can gián, mà can ngăn trong buồng riêng, chỗ khuất, chẳng muốn phô bày điều ác của cha. Như ông Cao Doãn, trăm có lỗi, ông chưa hề nói ngay trước mặt khiến cho trăm chẳng thể chịu nổi. Trăm biết lỗi mà thiên hạ không biết, chẳng đáng gọi là trung ư? Cao Doãn một dạ trung thành, không chỉ là kẻ phê phán kịch liệt chẳng thể [sánh bằng ông ta], mà kẻ ưa châm biếm cũng chẳng thể bằng được. Đáng gọi là biết cách can gián vậy.

(nhạc ngắn)

Đời Tống, Tô Bình dâng sớ bàn luận quốc sự, bị đày đi Nhiêu Châu. Họ Tô đi qua đất Lạc, trọ ở chỗ ông Doãn Thuần. [Trong khi trò chuyện] có ý [phản nản] bị thiên chuyển, biếm trích (là giáng chức).

Ông Thuần nói:

- Khi Quý Minh⁸ dâng thư, chính là tính toán cho đất nước đó ư? Hay là vì tính toán cho bản thân? Nếu tính toán cho đất nước, sẽ hoan hỷ phó nhậm Nhiêu Châu. Nếu vì tính toán con đường tiến thủ, thì bị biếm trích tới Nhiêu Châu vẫn còn là hình phạt nhẹ nhàng.

Ông Bình vỡ lẽ. Trương Khả Am nói: “*Sĩ tử làm quan, nếu có cái tâm mong cầu công danh, cầu được thông dong, vui sướng, sẽ chẳng làm được một chuyện gì ra hồn*”! Nói đúng lắm thay!

Độc Cô Ni, Nguyên Hạ, Bạt Bạt Khát Hài và Bộ Lục Cô Ly đã lật đổ Tông Ái, đưa Thác Bạt Tuấn lên làm vua.

⁸ Quý Minh là tên tự của Tô Bình.

Xem khắp xưa nay, những kẻ bày tôi tận trung bèn được báo đáp, nhiều khôn kẻ xiết! Còn những bậc chẳng đánh mất tiết tháo cao cả, thấy hiểm nguy bèn dâng hiến tánh mạng, [dầu khi ấy] do vận mạng công chên, ôm hận ngàn thu, tợ hồ được trời trả báo đặc biệt lạ lùng. Nào có biết khi sống bèn hưởng tiếng tăm lòng lẫy trong thuở ấy, chết đi được muôn dân quý lạ. Trời báo đáp họ so với những kẻ hưởng phú quý, an lạc, há chỉ gấp trăm lần!

Những kẻ quên ơn vua, hại dân, trời báo ứng thê thảm lại càng chẳng cần phải nói nữa! Nay khoan nói về sự báo ứng đối với kẻ có lòng trung hay bất trung, hãy nhìn vào những kẻ hời hợt, qua loa, chẳng quan tâm dân đen, [sẽ thấy bọn họ] cũng chẳng có kết cuộc tốt đẹp! Có thể thấy bóng lộc của ông chắc chắn là chẳng thể phụ bạc một chữ Trung này. Từ Tể Tướng cho tới dân chúng, phần nhiều đáng nên trọn hết lòng trung, nhưng tánh mạng của bọn dân đen liên quan đến quan huyện nhiều nhất. Vì thế, quan huyện càng chẳng thể không có lòng trung. Quốc gia đặt ra quan huyện là để ông ta dưỡng dân.

Cổ nhân nói: “*Dân là cội gốc của đất nước*”; cái gốc có vững vàng thì đất nước mới yên ổn được. Được phó thác trọng trách như vậy, há có thể cô phụ ư?

Ấy là vì người đọc sách bèn phát khởi cái tâm cứu đời chân thật, thiết tha; đến khi nắm quyền, có thể, càng phải chú trọng sao cho phút giây nào cũng đều nghĩ đến trời, đất, vua, cha mẹ, hành thiện sự rộng lớn, thanh liêm, thận trọng hướng dẫn thuộc hạ, siêng năng tìm hiểu rõ nỗi khổ của dân, phỏng theo cách cai trị tốt đẹp của Trình, Châu, học hỏi khuôn mẫu tốt lành của những bậc hiền năng đương thời.

Đừng xử sự theo tình riêng, chớ yêu mến tiền của, hãy đề cao chuyện lành, trừng phạt kẻ dữ, hưng khởi điều lợi, trừ khử

điều hại, đề xướng [tuân thủ] những ước định của mỗi làng, chú trọng nông tang⁹, uốn nắn kẻ sĩ, quan tâm việc học, dạy dân siêng năng, tiết kiệm, thúc đẩy, răn đe [dân chúng] chú trọng nghĩ tưởng pháp lành. Đối với chuyện hình ngục, thường trọn hết lòng nhân.

Trừ bỏ những tục lệ nhảm nhí, trái lẽ, giám sát bọn nha lại gian ngoan, phát hiện sớm những vấn đề về lụt lội, hạn hán để nhanh chóng báo lên cấp trên. [Khi gặp] tai ương, đói kém, bèn tìm cách cứu tế, cắt cử người chăm nuôi kẻ góa bụa, cô đơn, mồ côi. Khuyến khích tu bổ đê điều, ngòi, rạch hữu hiệu.

Nghiêm cấm những chuyện ác như dìm chết con gái¹⁰, bắt cóc người khác đem bán, cờ bạc, hút sách, chơi bời, ngênh thần, diễn tuồng, đâm thư, quật mồ, mổ trâu v.v...

Đề xướng những việc lành như lập kho [trữ gạo cứu đói] trong xã, Đồng Thiện Hội¹¹, nuôi trẻ mồ côi, nghĩa học, nghĩa trung¹², trạm phát thuốc mùa Hè, trạm phát cháo mùa Đông,

⁹ Nông (農) là làm ruộng, Tang (桑) là trồng dâu nuôi tằm. Nông Tang là từ ngữ phiếm chỉ cho sự sản xuất.

¹⁰ Đây là một hủ tục của Trung Hoa. Khi đói kém, nếu sanh ra con gái, dân chúng sẽ giết chết, chỉ giữ lại con trai để nối dòng. Ngoài ra, nếu người nữ bị coi là phạm tội thất tiết hoặc bị vu cáo, sẽ thường bị đem dìm xuống sông cho chết.

¹¹ Đồng Thiện Hội (同善會) là hội từ thiện do giới sĩ phu đề xướng từ thời Vạn Lịch nhà Minh, bao gồm các hoạt động diễn thuyết khuyến thiện, thí gạo, thí tiền giúp đỡ người nghèo, khen thưởng, biểu dương người tiết nghĩa.

¹² Nghĩa học (義學) là trường học miễn phí cho trẻ em nhà nghèo, đôi khi còn chu cấp tiền bạc, gạo cho chúng. Nghĩa trung (義冢) là nghĩa

xưởng in sách, trạm tạm trú cho những người lưu lạc v.v... Đúng như đã gom góp núi báu vậy.

Trong lời chú giải cho phần trước đã nói “*quan lại coi chuyện yêu dân, tận tụy chức trách là trung*”, tôi nay lại không ngại đôi ba lượt rất miệng, thật sự là vì [những chuyện này] liên quan đến tánh mạng của người dân nhiều nhất. Nếu có thể một niềm vâng giữ, có chuyện gì mà chẳng làm được? Phước đức ấy há có thể lường ư? Lại chuyên ghi thêm vài câu chuyện để những người làm “*dân chi phụ mẫu*” xem tới mà tiếp nhận lời khuyên.

(nhạc ngắn)

Đời Tống, Trình Minh Đạo làm huyện lệnh Tấn Thành, giữ thân đoan chánh để làm gương cho mọi người, dùng lễ nghĩa dạy dân. Hễ dân có sự lên huyện, ông ắt bảo ban họ về hiếu, đễ, trung, tín: Ở nhà thì phụng sự cha anh, ra ngoài xã hội ắt phụng sự bậc trưởng thượng.

Ông ước lượng các làng quê xa hay gần để lập ra chế độ bảo vệ¹³, khiến cho họ ra sức giúp đỡ lẫn nhau trong các việc

trang miễn phí dành cho người nghèo khổ, không có tiền mua đất chôn cất người thân.

¹³ Đây là một quy chế đã có từ đời Đường, được gọi là “*ngũ bảo*” (伍保), tức năm nhà liên kết bảo vệ lẫn nhau. Mỗi thôn xóm, thanh niên trai tráng từ mười sáu tuổi trở lên, trừ những người già, yếu, bệnh tật, trẻ nhỏ, đàn bà, tăng sĩ, con quan được miễn (vì đã có gia đình đảm nhiệm) đều kết thành đội chia phiên tuần hành, đảm bảo trị an, giúp đỡ lẫn nhau bảo vệ chống lại giặc cướp. Những đội gần nhau đều phải có trách nhiệm tương trợ lẫn nhau, nhất là khi có thiên tai hoặc giặc cướp tấn công.

lao dịch, đùm bọc nhau trong cơn hoạn nạn, chẳng dung kẻ gian dối, trá ngụy.

Phàm những người cô quạnh, tàn phế, đều cắt cử thân thích, xóm giềng chăm nom, ngõ hầu họ chẳng đến nỗi bơ vơ. Những kẻ đi xa, lỡ bị ngã bệnh trên đường, đều có người chăm sóc.

Nhân tiện, ông lập ra sáu mươi mấy ngôi trường làng. Lúc rảnh rang, bèn mời phụ lão tới trò chuyện hòng thăm hỏi nỗi khổ của dân. Đối với những sách học của trẻ nhỏ, ông đều đích thân chấm câu¹⁴. Kẻ nào dạy học không tốt, sẽ bị thay đổi, loại bỏ. Ông chọn lựa những đứa sáng dạ trong đám con em để gom lại dạy dỗ. Liên kết dân các làng để lập hội, đặt ra các quy định, nêu bày rành rẽ điều thiện, sự ác, khiến cho họ được khuyên răn mà biết hổ thẹn.

Minh Đạo xem dân như con. Những kẻ muốn thừa gởi, có thể chẳng cần cầm theo đơn, cứ tới thẳng công đường, thưa bày đầu đuôi. Tiên sinh thông dong bảo ban, ra rả dặn dò chẳng biết mệt.

Ông ở huyện ấy ba năm, dân chúng yêu mến như cha mẹ. Ngày ông rời đi, tiếng khóc vang rền ngoài đồng nội. Chỗ nào Minh Đạo đến trấn nhậm, trên dưới đều bị ảnh hưởng thuận theo. Ấy là vì ông đã hành xử hợp lòng dân, cho nên họ bị ảnh hưởng. Thiên địa tạo hóa chỉ là [do hành xử hợp lẽ mà] tự nhiên ảnh hưởng mọi người đó thôi!

¹⁴ Chữ Hán thời cổ khi viết không cần có chấm câu. Người đọc phải biết suy xét để ngắt câu cho đúng. Do đó, đối với trẻ học vỡ lòng, thầy thường dùng bút son khuyên tròn từng chỗ để trẻ biết cách ngắt câu. Đôi khi, do thầy không giỏi, chấm câu sai. Trình Minh Hạo đã chấm câu nhằm giúp cho trẻ hiểu đúng mạch văn.

Minh Đạo cai quản một huyện. Giữa Hè, đê bị vỡ to, theo đúng lẽ, phải bằm lên phủ, phủ sẽ bằm lên tào¹⁵, sẽ phải mất hơn một tháng mới bắt đầu sửa chữa được. Tiên sinh sợ hư lúa mạ, bảo: “*Cứu dân thì mắc tội cũng chẳng từ*”, bèn xướng suất dân chúng sửa chữa. Năm đó, [huyện ấy] được mùa to.

Ông làm Chủ Bạ xứ Thượng Nguyên, thuộc Hà Đông Lộ¹⁶. [Sản vật trong vùng đã không nhiều lại còn phải] nộp thuế nên không sung túc. Hễ quan trên thu mua¹⁷, vật giá vẫn tăng vọt, dân chúng sẽ bị khổ sở mỗi năm. Tiên sinh ước lượng nhu cầu, bảo các nhà giàu mua gạo dự trữ, theo giá đã định để bán ra.

[Làm như vậy], nhà giàu chẳng bị lỗ, mà dân chúng phải tốn thêm chẳng quá hai ba phần mười so với trước đó. Hơn nữa, khoản thuế [lương thực] do dân đóng góp, thường được chuyển đến chỗ gần [phủ lý] hơn. Do phải chở đi đường xa, ắt cước phí sẽ tốn kém rất nhiều. Tiên sinh chọn những nhà giàu đảm nhiệm [chuyện vận chuyển thuế khóa], dặn họ mua gạo

¹⁵ Tào (漕) ở đây là cơ quan đặc trách đường thủy của mỗi phủ, thường do quan Tào Vận Sứ trông coi.

¹⁶ Lộ (路) là một đơn vị hành chánh đời Tống. Cả nước được chia thành mười lăm lộ (Kinh Đông, Kinh Tây, Hà Bắc, Hà Đông, Thiểm Tây, Hoài Nam, Giang Nam, Kinh Hồ Nam, Kinh Hồ Bắc, Lưỡng Chiết, Phúc Kiến, Tây Xuyên, Giáp, Quảng Nam Đông, và Quảng Nam Tây). Về sau, các lộ lớn lại tách ra thành nhiều lộ nhỏ hơn. Hà Đông Lộ bao gồm hai mươi hai phủ, bao gồm miền Trung và Nam tỉnh Sơn Tây ngày nay, cũng như một phần phía Bắc của tỉnh Thiểm Tây. Trị sở của lộ này là Thái Nguyên.

¹⁷ “Thu mua” Nguyên văn “*khoa mại*” (科買) là một quy chế vào đời Tống, đối với các sản vật lương thực mỗi năm, quan phủ có lập ra hạn định thu mua để dự trữ.

trữ sẵn ở quận, chi phí được giảm bớt rất lớn, dân được sống thoải mái hơn.

Khi ông làm tri huyện Phù Câu, trong dân chúng có chuyện đốt phá, cướp bóc tài vật của các nhà thuyền. Mỗi năm ắt xảy ra mười mấy lần. Ông bắt được một tên, bèn bắt nó chỉ điểm để bắt được mấy chục đứa. Ông chẳng truy cứu lỗi cũ của chúng, mà tách chúng ra sống ở những chỗ khác nhau, cho bọn chúng sống bằng nghề kéo thuyền. Lại còn giám sát những kẻ làm ác. Từ đấy, vùng đó không có nạn đốt thuyền nữa.

Ông làm tri huyện Kỳ Ấp, dân chúng đói rách vì lụt lội, tiên sinh xin phát gạo cho dân chúng vay. Quan Tư Nông¹⁸ bực tức, sai người xuống tra xét tình hình. Người ấy bẩm báo không nên cho vay. Tiên sinh cứ xin vay mãi không thôi, bèn vay được sáu ngàn thạch¹⁹ gạo, dùng để cứu giúp những kẻ đói.

¹⁸ Tư Nông (司農) là chức quan quản lý tài chánh, thời Tiên Tần, chức quan này được gọi là Trị Túc Nội Sử, đến đời Hán Cảnh Đế đổi thành Đại Nông Lệnh, thời Hán Vũ Đế lại đổi thành Đại Tư Nông. Dưới chức quan này có năm cấp thuộc hạ. Chức thuộc hạ quan trọng nhất là Thái Thương trông coi kho thóc dự trữ, vận chuyển, cung ứng lương thực, điều hòa giá cả, quản lý quốc khố. Đến đời Thanh, Đại Tư Nông chính là Hộ Bộ Thượng Thư. Theo mạch văn, Tư Nông ở đây có lẽ là một chức quan trông coi về tài chánh thuộc một Lộ mà thôi.

¹⁹ Thạch (石) là đơn vị đo lường thời cổ, đặc biệt dùng để đo lường ngũ cốc (đúng ra, khi dùng đơn vị đo lường, phải đọc là Đán, nhưng theo thói quen, đều đọc là Thạch). Theo chương Luật Lịch Chí trong Hán Thư: “Hai mươi bốn thù là một lượng, mười sáu lượng là một cân, ba mươi cân là một quân, bốn quân là một thạch”. Đại khái, một thạch bằng ba mươi sáu kilogram hiện thời.

Quan Tư Nông càng thêm giận, vì thấy trong sổ ghi nợ, mỗi hộ được phân loại giống như nhau, [lẽ ra phải nên ghi số lượng cho vay giống nhau], nhưng số gạo đã vay mỗi nhà mỗi khác, bèn truyền lệnh xuống huyện đánh đòn người đứng đầu đám nha lại.

Tiên sinh nói:

- Để cứu đói, hãy nên xét xem mỗi hộ số người nhiều hay ít, chớ nên xét theo hộ giàu hay nghèo, hãy xét theo tình hình thật sự mà làm. Đó chẳng phải là tội của nha lại, mà đáng phải nên làm như thế.

Tiên sinh thường nói:

- Đã giữ chức vụ huyện lệnh, ắt phải làm cho dân chúng trong vùng cai trị của chính mình nhằm năm mất mùa, đói kém, chẳng bị tử vong, ăn no, ở yên, tuân theo giáo huấn lễ nghĩa thì mới là trọn hết trách nhiệm vậy”.

Làm huyện lệnh Phù Câu, ông hướng dẫn dân chúng tận lực khai thông ao, lạch. Tiếc là chưa xong chuyện ấy, đã bị điều đi nơi khác, cho nên chuyện đó phải ngưng lại.

Khi tiên sinh trông coi phu phen, lúc rét buốt, hoặc khi nắng gắt, ông chẳng khoác áo cừu, chẳng che dù, luôn đi đôn đốc khắp nơi, mọi người chẳng thể biết lúc nào ông sẽ đến. Vì thế, ai nấy đều gắng sức, thường là hoàn tất trước kỳ hạn. Hễ tiên sinh làm quan huyện, ở chỗ ngồi đều viết bốn chữ “*thị dân như thương*”²⁰.

²⁰ Theo Thành Ngữ Từ Điển, câu này có nghĩa là “*luôn coi dân chúng như đang bị thương tật*”, có ý nói luôn quan tâm dân chúng như họ

Thường nói: “*Hạo*²¹ *thường thẹn đối với bốn chữ ấy*”.

(nhạc ngắn)

Đời Tống, khi Châu Tử làm tri huyện Chương Châu đã nói:

- Ta muốn lưu tâm nơi trường học,

Bèn mời Hoàng Tri Lục nêu gương cho chư sanh. Lại thỉnh những bậc nho sĩ tiền bối cùng nêu gương sáng, khiến cho sĩ tử biết những điều nên tuân theo, nên kiêng giữ, biết cách làm lành, khiến cho người trong một nước cùng đều thành bậc quân tử.

Lại do thế tục chẳng biết lễ, ông bèn chọn lễ nghi chôn cất, cưới hỏi thời cổ để nêu ra, chỉ dạy, truyền các bậc phụ lão giải nói, dạy bảo con em. Ông cấm dân Chương Châu trẩy hội²², chơi núi. Ông nói:

- Chỉ vì nam nữ hỗn tạp, phải nên ngăn cấm.

Lại trừ bỏ những khoản đóng góp vô nghĩa trong huyện, hằng năm miễn đến bảy vạn [tiền thuế]. Ông từng đến Đường Thạch, tiếp đãi những ông cụ chôn làng quê và tiểu phu như

đang ở trong cảnh ngặt nghèo, phải gắng sức làm cho họ được an cư lạc nghiệp.

²¹ Ông Trình Minh Đạo tên thật là Trình Hạo, tên tự là Minh Đạo.

²² Nguyên văn “*trại hội*” (賽會), tức là các lễ hội địa phương ở miền Hoa Nam, nhất là vùng Phúc Kiến, Giang Tô. Dân chúng ăn mặc rực rỡ, đốt pháo, thổi kèn, đánh trống, gõ thanh la ồm ồm, rước kiệu thần, vừa đi vừa ca hát; bọn đồng cốt vờ xưng là được thần nhập thân, cầm cờ lệnh nhảy múa, lắc lư trước kiệu thần; Nam nữ có thể thừa dịp này chòng ghẹo, tán tỉnh lẫn nhau.

tiếp đãi tân khách, chẳng hề có mảy may ngăn cách, phân biệt.
Ông nói:

- Đối với hạng người ấy, nếu có sự cách biệt, làm sao có thể khiến cho họ dốc hết tâm lòng được!

Ông làm tri huyện Nam Khang, ra cáo thị:

- Huyện này đất xấu, dân thưa, tạp dịch nhiều, thuế má nặng nề, sức dân ngày càng mệt mỏi, hết sức đáng thương. Nay dưới quyền cai trị của tôi, dân chúng, phụ lão, tăng, đạo, quân, dân các giới, những ai biết được cội nguồn của điều lợi, lẽ hại, hãy lần lượt hợp tác, xử trí như thế nào hòng có thể giúp giảm nhẹ, cứu vãn. Lại xin hãy nêu cặn kẽ tình trạng thật sự chẳng nề hà sớm hay trễ, hãy đến huyện trình bày để tôi có thể tận mặt thăm hỏi, [tìm tòi] nhiều cách thực hiện, ngõ hầu nhà nào cũng mỗi năm một khá hơn, gia đình đông đủ.

Vâng ạ thời gian đã hết bài hôm nay chúng ta sẽ kết thúc ở đây.

(nhạc)

Chúc bạn

*Không làm các việc ác
Mỗi năm được bình an
Siêng làm các việc lành
Năm nào cũng như ý*

Website: www.duongdenhanhphuc.vn

Kênh Youtube: [duongdenhanhphuc](https://www.youtube.com/channel/UCv33333333333333333333)

Hoan nghênh mọi hình thức ấn tống, sao chép, copy, công đức vô lượng!

